TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-9-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Quân

Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 241/2018/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2018, về tranh chấp ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Trường G, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã Tân A, huyện Càng L, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Ấp L, xã Tân A, huyện Càng L, tỉnh T.

Tạm trú: Ấp Tân Trung K, xã Hiếu T, huyện T, tỉnh T.

Con chung: Lê Quốc A, sinh ngày 22/7/2007 và Lê Quốc K, sinh ngày 24/6/2009.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/11/2017, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Lê Trường G trình bày: Vào ngày 15/4/2009, anh Lê Trường G và chị Nguyễn Thị Trúc L xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tân A, huyện Càng L, tỉnh T. Trong quá trình chung sống có 03 con chung tên Lê Quốc A, sinh ngày 22/7/2007, Lê Quốc K, sinh ngày 24/6/2009 và Lê Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 19/9/2014; hiện hai con chung là Lê Quốc A, Lê Quốc K đang sống chung với anh G, còn cháu H sống với chị L.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do anh, chị tính tình không hợp nhau, thường xuyên cải vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng ý kiến, anh G cho rằng chị L không chăm lo cho con cái và hạnh phúc gia đình nên vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay.

Nay, anh Lê Trường G yêu cầu:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Trúc L.

Về tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Lê Quốc A và Lê Quốc K không yêu cầu chị Linl phải cấp dưỡng. Anh G thống nhất giao con tên Lê Nguyễn Ngọc H cho chị L nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng.

Tại bản tự khai ngày 11/9/2018, chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Lê Trường G.

Về tài sản, nợ chung: Không có.

Về con chung: Đồng ý giao hai con chung Lê Quốc A và Lê Quốc K cho anh Lê Trường G nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung do anh G không yêu cầu; chị yêu cầu nuôi cháu Lê Nguyễn Ngọc H, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi cháu H.

Tại bản tự khai ngày 31/8/2018, hai cháu Lê Quốc A và Lê Quốc K có nguyện vọng sống với anh G khi cha mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do anh Lê Trường G và chị Nguyễn Thị Trúc L đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh G, chị L.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Trường G và chị Nguyễn Thị Trúc L xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân A, huyện Càng L, tỉnh T theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Sau kết hôn, vợ chồng sống với nhau có 03 con chung là thể hiện một gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, hạnh phúc của anh chị không bền vững là do chị L và anh G luôn bất đồng quan điển sống, thường xuyên cải vã, chị L không chăm lo hạnh phúc gia đình, cuộc sống luôn có mâu thuẫn, bất hòa, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt không còn hạnh phúc nên hai người sống ly thân với nhau từ tháng 4/2018 cho đến nay.

Nay, anh Giang thấy tình cảm giữa anh và chị Linl không còn và xin được ly hôn với chị L.

Xét thấy tình nghĩa vợ chồng của anh G, chị L thiếu tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, từ đó có cơ sở chấp nhận sự thuận tình ly hôn của anh Giang và chị L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung tên: Lê Quốc A, sinh ngày 22/7/2007 và Lê Quốc K, sinh năm 24/6/2009 đang được anh G nuôi dưỡng, nên giao cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Quốc A và Quốc K, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh G không yêu cầu; chị L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 19/9/2014, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 228, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Trường G;

Về hôn nhân: Cho anh Lê Trường G được ly hôn với chị Nguyễn Thị Trúc L.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Quốc A, sinh ngày 22/7/2007 và Lê Quốc K, sinh ngày 24/6/2009 cho anh Lê Trường G nuôi dưỡng, giao cháu Lê Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 19/9/2014 cho chị Nguyễn Thị Trúc L nuôi dưỡng. Anh Lê Trường G và chị Nguyễn Thị Trúc L đều không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung không trực tiếp nuôi dưỡng do anh Giang và chị Linl đều không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm

sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Trường G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0017688 ngày 04/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiển Cần, nên anh G không phải nộp nữa.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Tiểu Cần ;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Long

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Hồng Quân – Trang Thị Cẩm Nhuần	**Phạm Văn Long**